GV: NGUYỄN THỊ LINH
Ngày soạn: 15/11/2026
Tiết PPCT 22

BÀI 10: THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT CHỦ ĐỀ DÂN CƯ Ở VIỆT NAM

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Viết được báo cáo giới thiệu về một trong các chủ đề: dân số, lao động và việc làm, đô thị hoá ở Việt Nam.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người sống ỷ lại vươn lên để có lối sống tự lực

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp;

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều;

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực tìm hiểu địa lí: tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các nguồn tin cậy, đọc được bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu,...

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế viết báo cáo về chủ đề dân cư ở nước ta.

*NLS: Khai thác dữ liệu số, sáng tạo nội dung số để thuyết trình về vấn đề dân cư.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ:

+ Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.

+ Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, từ sách báo và các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hàng ngày.

- Trung thực: trong học tập.

- Trách nhiệm: tích cực đánh giá cá nhân, đánh giá đồng đẳng, khách quan, đóng góp vào quá trình học tập, kiểm tra, đánh giá.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, TV.
- Bản đồ dân cư Việt Nam.
- Bảng số liệu, tranh ảnh về dân cư.
- SGK Địa lí 12.

2. Học sinh

SGK Địa lí 12.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Ổn định lớp

B. Bài mới

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu:

- Tạo kết nối giữa kiến thức đã học của HS với nội dung bài học.
- Tạo hứng thú cho HS trước khi bước vào tiết học.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS quan sát một số tranh ảnh về dân cư Việt Nam, hỏi: *Những hành ảnh trên muốn đề cập đến những vấn đề gì về dân số của nước ta hiện nay.*

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS (Chiến lược phát triển dân số; lao động và việc làm; tác động của đô thị hóa đối với vấn đề môi trường).

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp trực quan.

– Bước 1: GV yêu cầu HS quan sát một số tranh ảnh về dân cư Việt Nam, hỏi: *Những hành ảnh trên muốn đề cập đến những vấn đề gì về dân số của nước ta hiện nay.*

– Bước 2: HS huy động hiểu biết của bản thân, tìm câu trả lời.

– Bước 3: Một số HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.
– Bước 4: GV chốt kiến thức, từ câu trả lời của HS dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động 2: Hoạt động thực hành

a) Mục tiêu: Tìm kiếm, hệ thống hoá thông tin và viết báo cáo về một chủ đề dân cư ở Việt Nam. Làm bài thuyết trình bằng các công cụ AI(có thể làm ở nhà)

b) Nội dung: GV yêu cầu HS: *Viết báo cáo về một chủ đề dân cư ở Việt Nam. Sử dụng các công cụ AI để làm bài thuyết trình.*

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Bài báo cáo tham khảo 1:

Chiến lược dân số của Việt Nam qua các thời kì

Giai đoạn 1954 – 1960 tốc độ gia tăng dân số ở nước ta đạt mức 3,93% đã dẫn đến hiện tượng bùng nổ dân số ở nước ta.

Giai đoạn 1961-1975 đánh dấu sự khởi đầu nhận thức về tác động của sự gia tăng dân số tới sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Việc sinh đẻ có hướng dẫn đã đánh dấu sự ra đời của công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình ở nước ta. Quyết định này đã đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia đầu tiên ở châu Á tiến hành công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, thể hiện tầm nhìn xa trông rộng của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Kể từ đây người dân đã bắt đầu có ý thức hơn về vấn đề dân số và chấp nhận sinh đẻ có kế hoạch.

Trong giai đoạn 1976 - 1990, sau khi đất nước thống nhất, cuộc vận động sinh đẻ kế hoạch tiếp tục được triển khai và đẩy mạnh trên phạm vi cả nước. Các kỳ Đại hội Đảng cũng luôn xác định công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình là những chỉ tiêu quan trọng trong phát triển đất nước, cùng hàng loạt văn bản về chính sách dân số được ban hành.

Giai đoạn 1991 - 2000 là dấu mốc của sự thay đổi mạnh mẽ, toàn diện của công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình ở nước ta. Từ đây, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đã có sự thay đổi cơ bản, toàn diện cả về nội dung, cách làm, huy động toàn hệ thống chính trị tham gia vào công tác này; xây dựng và từng bước kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy chuyên trách làm công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình từ Trung ương đến cơ sở; tăng cường đầu tư ngân sách Nhà nước thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình. Kết quả công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình giai đoạn này đã vượt các mục tiêu đề ra, tốc độ gia tăng dân số quá nhanh đã cơ bản được kiềm chế. Ghi nhận những thành công và đóng góp của Việt Nam, Liên hợp quốc đã trao giải thưởng Dân số của Liên hợp quốc cho Việt Nam vào năm 1999.

Từ năm 2001 - 2016, nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình của Đảng và Nhà nước được ban hành, như: Nghị quyết 47-NQ/TW về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình của Bộ Chính trị, Pháp lệnh Dân số của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Nghị định của Chính phủ, Chiến lược Dân số Việt Nam 2001 - 2010, Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam 2011 - 2020. Dân số được xác định là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là nền tảng quan trọng trong chiến lược phát triển con người của đất nước. Trong giai đoạn này, Việt Nam đã đạt mức sinh thay thế (năm 2006) và duy trì vững chắc đến nay.

Từ năm 2017 đến nay, nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình của Đảng và Nhà nước mang tính bước ngoặt được ban hành, như: Nghị quyết 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác dân số trong tình hình mới; Nghị quyết số 137/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW; Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030. Bên cạnh đó, nhiều chương trình được phê duyệt và đưa vào triển khai thực hiện, như: Chương trình truyền thông dân số đến năm 2030; Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030,…

Bài báo cáo tham khảo 2:

Một số ngành nghề mới có nhiều cơ hội việc làm ở nước ta

1. Ngành Công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin là một ngành học "hot" đặc biệt, với xu hướng làm việc từ xa, khi các công ty dần chuyển qua hình thức làm việc trực tuyến, đã kéo theo nhu cầu tuyển dụng lập trình viên và kỹ sư phần mềm tăng cao. Ngành này đòi hỏi người học phải hội tụ nhiều yếu tố như: Chịu được áp lực công việc cao; Có kiến thức sâu rộng về kinh tế - xã hội và các lĩnh vực bổ trợ khác; Sáng tạo

và tư duy khoa học; Thích ứng nhạy bén với tốc độ phát triển của lĩnh vực trên toàn cầu; Thành thạo ngoại ngữ… Có thể nói đây là một ngành học lý tưởng và đầy triển vọng trong tương lai. Bất cứ ngành công nghiệp nào cũng đều cần đến sự hiện diện của công nghệ thông tin, chính vì lý do đó mà ngành học này được dự báo vẫn tiếp tục hấp dẫn trong tuyển dụng.

2. Dịch vụ Y tế, chăm sóc sức khỏe

Thị trường chăm sóc sức khỏe Việt Nam đang thay đổi qua từng ngày. Khách hàng hiện nay đang cần các dịch vụ chăm sóc sức khỏe riêng tư với chất lượng tốt hơn, đây cũng là một tín hiệu tốt tạo cơ hội việc làm cho nhiều học sinh, sinh viên lựa chọn ngành học này trong những năm tới. Mức lương cơ bản của ngành này tại Việt Nam theo trang Cao Đẳng Việt Mỹ, rơi vào khoảng từ 6-15 triệu/tháng và còn tiếp tục tăng theo cấp bậc và kinh nghiệm của người làm.

3. Ngành Marketing

Tính tới năm 2025, ngành Marketing cần tới ít nhất 21.600 người. Ngành Marketing hiện thu hút được rất nhiều sự quan tâm của sinh viên bởi môi trường học năng động, cơ hội việc làm đa dạng, mức thu nhập tốt cũng như tiềm năng phát triển trong tương lai. Ngành Marketing đang phát triển với tốc độ nhanh chóng, và được dự đoán sẽ có nhiều thay đổi. Rất nhiều các công ty và doanh nghiệp đang tích cực tuyển dụng nhân sự marketing với mức lương cao và đãi ngộ hấp dẫn.

4. Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Theo thống kê trong 3 năm tới, lĩnh vực Logistics cần khoảng 18.000 lao động. Tương lai của ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng được dự đoán sẽ tiếp tục bùng nổ, tạo ra những xu hướng tiêu dùng mới. Theo Tổng cục Thống kê, mức lương khởi điểm của một nhân viên Logistics tại Việt Nam vào khoảng 350-500 USD/tháng; mức lương trung bình của vị trí Quản lý Logistics là 3.000-4.000 USD/tháng và Giám đốc Chuỗi cung ứng là 5.000-7.000 USD/tháng.

Bài báo cáo tham khảo 3:

Xu hướng phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam

Đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ tại Việt Nam. Nó mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng tạo ra áp lực lớn về hạ tầng, môi trường và giao thông. Trong bối cảnh đó, phát triển đô thị thông minh (Smart City) trở thành xu thế tất yếu. Đây là giải pháp chiến lược giúp các thành phố tối ưu hóa nguồn lực, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

1. Thực trạng phát triển đô thị thông minh ở Việt Nam

Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách trọng tâm để thúc đẩy mô hình này. Đáng chú ý là Quyết định số 950/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 và định hướng đến năm 2030.

Tính đến nay, mạng lưới đô thị thông minh đang hình thành rõ nét:

- Số lượng triển khai: Nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước đã và đang xây dựng các đề án phát triển đô thị thông minh.
- Các trung tâm cốt lõi: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, và Thừa Thiên Huế là những địa phương đi đầu.
- Trung tâm Điều hành thông minh (IOC): Được ví như "bộ não" của thành phố, hệ thống IOC đã được vận hành tại nhiều tỉnh thành để giám sát giao thông, an ninh, y tế và phản ánh hiện trường của người dân.

2. Các xu hướng phát triển chính hiện nay

- Quản trị đô thị bằng dữ liệu số: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) để số hóa thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, giúp người dân tương tác trực tiếp với chính quyền qua ứng dụng di động (ví dụ: Hue-S tại Huế, ứng dụng iHanoi tại Hà Nội).
- Giao thông thông minh: Triển khai hệ thống camera giám sát giao thông, phạt nguội, điều khiển đèn tín hiệu tự động và tích hợp thanh toán điện tử trên các phương tiện công cộng (xe buýt, tàu điện ngầm).
- Hạ tầng và năng lượng thông minh: Ứng dụng lưới điện thông minh, hệ thống chiếu sáng công cộng tự động tiết kiệm năng lượng, và quản lý hệ thống cấp thoát nước bằng cảm biến IoT để phát hiện rò rỉ.
- Tiện ích số cho người dân: Phát triển các mô hình trường học thông minh (học trực tuyến, sổ liên lạc điện tử) và y tế thông minh (khám chữa bệnh từ xa, quản lý bệnh án điện tử).

3. Thách thức trong quá trình thực hiện

- Hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ: Sự kết nối dữ liệu giữa các bộ, ngành và địa phương còn rời rạc, chưa có tính liên thông cao.
- Nguồn vốn đầu tư lớn: Chi phí xây dựng và bảo trì hệ thống công nghệ thông tin rất cao, đòi hỏi sự tham gia lớn từ nguồn vốn xã hội hóa.
- Bảo mật và an toàn thông tin: Nguy cơ rò rỉ dữ liệu cá nhân và các cuộc tấn công mạng vào hệ thống quản lý đô thị ngày càng tinh vi.
- Nguồn nhân lực hạn chế: Thiếu chuyên gia trình độ cao về AI, dữ liệu lớn và an ninh mạng để vận hành đô thị.

Đô thị thông minh là hướng đi đúng đắn nhằm định hình diện mạo mới cho hệ thống đô thị Việt Nam hiện đại. Để đạt hiệu quả bền vững, Nhà nước và các địa phương cần:
- Hoàn thiện khung pháp lý và bộ tiêu chuẩn chung về đô thị thông minh.
- Ưu tiên bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu quốc gia.
- Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực công nghệ chất lượng cao.
- Lấy người dân làm trung tâm, đảm bảo các tiện ích thông minh thực sự phục vụ nhu cầu thiết thực của cộng đồng.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kĩ thuật chia sẻ cặp đôi.

– Bước 1: GV gợi ý HS tham khảo chủ đề, nguồn tư liệu như trong SGK, giao nhiệm vụ cho HS viết báo cáo từ trước.

– Bước 2: HS viết báo cáo, trao đổi với bạn bên cạnh để hoàn thiện sản phẩm.

– Bước 3: Một số HS trình bày báo cáo trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét cách thức làm việc, sản phẩm báo cáo của HS. GV hướng dẫn HS tự chấm điểm vào phiếu đánh giá.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Họ tên HS : …… Lớp: …….

Tiêu chí	Chấm điểm	Điểm tuyệt đối	Điểm chấm
Nội dung	Cấu trúc đầy đủ, rõ ràng	2	
	Nội dung phong phú, chính xác	2	
	Các nguồn thông tin đáng tin cậy	1	
	Có nhiều dạng thông tin: hình ảnh, số liệu,…	1	
Hình thức	Trình bày khoa học	1	
	Có tính thẩm mĩ, sáng tạo	1	
Báo cáo	Trình bày báo cáo rõ ràng	1	
	Trả lời câu hỏi chính xác, dễ hiểu	1	
Tổng hợp		**10**	

3. Hoạt động 3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học về dân cư.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:

Câu 1. Biết diện tích tự nhiên của Việt Nam là 331 212 km^2, số dân năm 2022 là 99,47 triệu người. Vậy mật độ dân số nước ta năm 2022 là bao nhiêu người/km^2? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km^2)

Câu 2. Biết năm 2022 tỉ suất sinh của nước ta là 15,2‰, tỉ suất tử thô là 6,1‰. Vậy tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2022 là bao nhiêu ‰? (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai của ‰)

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Câu 1. Đáp án: 99 470 000 : 331 212 ≈ 300 người/km^2.

Câu 2. Đáp án: 15,2 – 6,1 = 0,91‰

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp vấn đáp.

– Bước 1: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi.

– Bước 2: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV mời một số HS trình bày, HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

C. Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài thực hành vào vở.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 11: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.